



CÁN BỘ NGÂN SÁCH XÃ QUÝ 1 NĂM 2023

ĐVT: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ 1/2023	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3=2/1
I	TỔNG SỐ THU	23,359,997,000	1,637,500,654	7.01%
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	171,000,000	2,778,400	1.62%
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	2,390,000,000	35,111,244	1.47%
3	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	20,798,997,000	1,295,600,000	6.23%
	- Thu bổ sung cân đối	4,137,000,000	1,259,250,000	30.44%
	- Thu bổ sung có mục tiêu	16,661,997,000	36,350,000	0.22%
4	Thu chuyển nguồn		304,011,010	
II	TỔNG SỐ CHI	23,359,997,000	1,075,506,600	4.60%
1	Chi đầu tư phát triển	18,961,997,000	0	0.00%
2	Chi thường xuyên	4,398,000,000	1,075,506,600	24.45%

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2023

ĐVT: đồng



STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ I NĂM 2023		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	23,359,997,000	23,359,997,000	1,637,500,654	1,637,500,654	7.01%	7.01%
I	Các khoản thu 100%	171,000,000	171,000,000	2,778,400	2,778,400	1.62%	1.62%
1	Thu phí, lệ phí	16,000,000	16,000,000	2,632,000	2,632,000	16.45%	16.45%
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu HLCS khác	125,000,000	125,000,000				
3	Thu phạt, tịch thu theo quy định khác						
4	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của NN theo quy định						
5	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
6	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
7	Thu khác	30,000,000	30,000,000	146,400	146,400	0.49%	0.49%
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	2,390,000,000	2,390,000,000	35,111,244	35,111,244	1.47%	1.47%
1	Các khoản thu phân chia	50,000,000	50,000,000	7,418,000	7,418,000	14.84%	14.84%
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	16,000,000	16,000,000		0	0.00%	0.00%
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	4,000,000	4,000,000	5,500,000	5,500,000	137.50%	137.50%
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	30,000,000	30,000,000	1,918,000	1,918,000	6.39%	6.39%
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	40,000,000	40,000,000	27,693,244	27,693,244	69.23%	69.23%
	- Thuế thu nhập cá nhân	16,000,000	16,000,000	9,278,016	9,278,016	57.99%	57.99%
	- Thuế giá trị gia tăng	24,000,000	24,000,000	18,415,228	18,415,228	76.73%	76.73%
3	Thu tiền sử dụng đất	2,300,000,000	2,300,000,000		0	0.00%	0.00%
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn			304,011,010	304,011,010		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	20,798,997,000	20,798,997,000	1,295,600,000	1,295,600,000	6.23%	6.23%
	- Thu bổ sung cân đối	4,137,000,000	4,137,000,000	1,259,250,000	1,259,250,000	30.44%	30.44%
	- Thu bổ sung có mục tiêu	16,661,997,000	16,661,997,000	36,350,000	36,350,000	0.22%	0.22%

